PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

DANH MỤC CÁC MẪU TỜ KHAI SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

(Tiếp theo Công báo số 571 + 572)

I-8.1

Phụ lục I-8

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh[1] sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã: .....

[1] Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-8.2 đến trang I-8.5 theo yêu cầu của hợp tác xã.

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:.....

Địa chỉ chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã: .....

Người đại diện chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:.....

CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	☐
- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	☐
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh/nội dung hoạt động	☐
- Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	☐

I-8.2

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi *(nếu có)*:.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt dự kiến thay đổi *(nếu có)*:.....

I-8.3

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại:.....Fax: .....

Email:.....Website: .....

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

I-8.4

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; *ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Ghi nội dung hoạt động sau khi bổ sung hoặc thay đổi *(đối với văn phòng đại diện)*:.....

I-8.5

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự kiến:

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....Giới tính:.....

Chức danh:.....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Chứng minh nhân dân số:.....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:.....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../.....Ngày hết hạn:...../ ..... / ..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại:.....Fax: .....

Email:.....Website: .....

I-8.6

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

I-9.1

Phụ lục I-9

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã[1] như sau:

Nội dung thông báo thay đổi[2]	**Đánh dấu**
- Điều lệ	☐
- Số lượng thành viên	☐
- Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên	☐
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện	☐
- Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh	☐

[1] Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

[2] Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

I-9.2

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

I-10.1

Phụ lục I-10

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	
	....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....
Số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã[1] như sau:

Nội dung thông báo	**Đánh dấu**
- Góp vốn	☐
- Mua cổ phần	☐
- Thành lập doanh nghiệp	☐

[1] Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định thông báo; lựa chọn và khai chi tiết nội dung thông báo vào các mẫu tương ứng từ trang I-10.2 đến trang I-10.4.

I-10.2

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

2. Số vốn góp:.....

I-10.3

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

2. Giá trị số cổ phần mua:.....

I-10.4

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

2. Số vốn điều lệ:.....

I-10.5

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

Phụ lục I-11

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

1. Đối với hợp tác xã tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng..... năm..... cho đến ngày.... tháng.... năm.....

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày..... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*

Số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....

Lý do tạm ngừng:.....

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm: -..... -..... -.....	**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** **CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

I-12.1

Phụ lục I-12

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....
Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký: .....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố: ....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email:.....Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động

a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam)*:

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*: .....

I-12.2

4. Thông tin về người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:.....Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Hợp tác xã cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

Phụ lục I-13

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....
Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Quyết định giải thể số:..... ngày...../ ..... /.....
Lý do giải thể:.....
.....
.....

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

Phụ lục I-14

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

I-15.1

Phụ lục I-15

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau của hợp tác xã:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam)*:

STT	Tên ngành	Mã ngành

Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*:.....

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....

I-15.2

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

Phụ lục I-16

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....
Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký: .....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

Đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã với nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đã đăng ký
Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....
Địa chỉ trụ sở:.....
Điện thoại:..... Fax: .....
Email:.....Website: .....

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã dự định đăng ký
Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....
Địa chỉ trụ sở:.....
Điện thoại:.....Fax: .....
Email:.....Website: .....

Lý do thay đổi:.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

	ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT **CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*
Các giấy tờ gửi kèm: -..... -.....	

Phụ lục I-17

TÊN HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

	ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT **CỦA HỢP TÁC XÃ** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*
Các giấy tờ gửi kèm: -..... -.....	

I-18.1

Phụ lục I-18

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm....

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....
Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....

Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm....
gồm những nội dung sau đây:

1. Thành viên và lao động
1.1. Đối với hợp tác xã

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20...
A	**B**		
1. Tổng số thành viên (01 = 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	01	Thành viên	
Trong đó: Số thành viên sử dụng dịch vụ của HTX	02	Thành viên	
Chia ra:			
- Thành viên là cá nhân Việt Nam	03	Thành viên	
- Thành viên là cá nhân nước ngoài	04	Thành viên	
- Thành viên là hộ	05	Thành viên	
- Thành viên là pháp nhân	06	Thành viên	
- Thành viên khác (nếu có)	07	Thành viên	
2. Tổng số lao động	08	Người	
Trong đó: Số lao động là thành viên		Người	

I-18.2

1.2. Đối với liên hiệp hợp tác xã

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20...
A	B		
1. Tổng số thành viên	01	Hợp tác xã	
Trong đó: Số thành viên sử dụng dịch vụ của LH HTX	02	Hợp tác xã	
2. Tổng số lao động	03	Người	

2. Sản phẩm, dịch vụ hợp tác xã cung ứng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tổng doanh thu từ thành viên trong năm 20...	Tổng doanh thu từ thị trường trong năm 20...
1			
2			
3			
4			

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thời điểm 31/12/20...
A	B	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *(01 = 02 + 03)*	01	
Chia ra: - Từ giao dịch với thành viên	02	
- Cho thị trường (nếu có)	03	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	04	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ *(05 = 01 - 04)*	05	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	06	
5. Các khoản thu nhập khác	07	
6. Tổng lợi nhuận trước thuế *(08 = 09 + 10 + 11)*	08	
6.1. Lợi nhuận sản xuất, kinh doanh	09	
6.2. Lợi nhuận hoạt động tài chính	10	
6.3. Lợi nhuận từ hoạt động khác	11	
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12	
8. Lợi nhuận sau thuế *(13 = 08 - 12)*	13	
9. Trích lập các quỹ *(14 = 15 + 16 + 17 + 18 + 19)*	14	
- Quỹ Đầu tư phát triển	15	
- Quỹ Dự phòng tài chính	16	
- Quỹ Phúc lợi	17	

I-18.3

- Quỹ Khen thưởng	18	
- Quỹ khác	19	
10. Tổng lợi nhuận chia cho thành viên *(20 = 21 + 22 + 23)*	20	
10.1. Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	21	
10.2. Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	22	
10.3. Khác *(ghi rõ)*:	23	
11. Thu nhập bình quân/tháng của 1 lao động làm việc thường xuyên	24	

4. Tài sản, vốn, hoạt động đầu tư của hợp tác xã

4.1. Tài sản của hợp tác xã

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên chỉ tiêu			Mã số	Thời điểm 31/12/20...
A			B	
1. Tài sản không chia (01 = 02 + 03 + 04 + 05)			01	
	Trong đó:	- Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất	02	
		- Khoản được cấp, hỗ trợ không hoàn lại của nhà nước, khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia	03	
		- Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia	04	
		- Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia	05	
2. Tổng cộng tài sản (06 = 07 + 12)			06	
2.1. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn			07	
Trong đó:		- Các khoản phải thu *(08 = 09 + 10 + 11)*	08	
Chia ra:		+ Phải thu của khách hàng	09	
		+ Phải thu của thành viên	10	
		+ Các khoản phải thu khác	11	
2.2. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn (12 = 13 + 18)			12	
2.2.1. Tài sản cố định (giá trị còn lại) *(13 = 14 + 15 + 16 + 17)*			13	
		- TSCĐ chuyển từ HTX, LH HTX cũ sang/chính quyền bàn giao	14	
		- TSCĐ do thành viên góp trực tiếp	15	
		- TSCĐ mua mới	16	
		- TSCĐ từ các nguồn khác	17	
2.2.2. Đầu tư dài hạn			18	

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thời điểm 31/12/20...
A	B	
3. Tổng cộng nguồn vốn *(19 = 20 + 24)*	19	
3.1. Nợ phải trả *(20 = 21 + 22 + 23)*	20	
3.1.1. Vay của thành viên	21	
3.1.2. Vay các tổ chức tín dụng	22	
3.1.3. Vay khác và nợ phải trả khác	23	
3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu	24	

4.2. Vốn của hợp tác xã

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20...
A	B	C	
1. Tổng vốn điều lệ	01	Tr.đ	
2. Tổng số thành viên góp vốn điều lệ	02	Thành viên	
3. Mức góp vốn điều lệ tối thiểu quy định 1 thành viên	03	Tr.đ	
4. Mức góp vốn thấp nhất/thành viên	04	Tr.đ	
5. Mức góp vốn cao nhất/thành viên	05	Tr.đ	

4.3. Hoạt động đầu tư của hợp tác xã

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thời điểm 31/12/20...
A	B	
1. Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp	01	
2. Tổng giá trị cổ phần mua	02	
3. Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc	03	

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:
-.....
-.....
-.....

Phụ lục II-1

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... Mã hồ sơ:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

GIẤY BIÊN NHẬN

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

Ngày..../..../.... đã nhận của Ông/Bà .....

Giấy Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:. .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....Website:.....

là .....

01 bộ hồ sơ số..... về việc .....

Hồ sơ bao gồm:

1. .....

2. .....

3. .....

4. .....

Cơ quan đăng ký hợp tác xã hẹn Ông/Bà ngày..../..../..... liên hệ với Cơ quan đăng ký hợp tác xã để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP *(Ký và ghi họ tên)*	**NGƯỜI NHẬN** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục II-2

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO

Về việc.....

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*
Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email: .....Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ số..... đã nhận ngày..... tháng..... năm.....

của Ông/Bà:.....

về việc: .....

Cơ quan đăng ký hợp tác xã.....

vì lý do như sau:.....

.....

.....

Xin thông báo để Ông/Bà được biết./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:.....	**TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

II-3.1

Phụ lục II-3

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

Tên hợp tác xã viết tắt *(nếu có)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:.....Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ *(bằng số; VNĐ)*: .....

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Chức danh:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

II-3.2

6. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Người đại diện chi nhánh:.....

7. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện: .....

Địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Người đại diện văn phòng đại diện:.....

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:.....

Người đại diện địa điểm kinh doanh: .....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-4.1

Phụ lục II-4

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ

Số:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....
Đăng ký thay đổi lần thứ:..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên chi nhánh *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

Tên chi nhánh viết tắt *(nếu có)*: .....

2. Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:.....Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

II-4.2

Địa chỉ hợp tác xã: .....

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-5.1

Phụ lục II-5

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ

Số:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....
Đăng ký thay đổi lần thứ:..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên văn phòng đại diện *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

Tên văn phòng đại diện viết tắt *(nếu có)*: .....

2. Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

3. Nội dung hoạt động:.....

4. Thông tin về người đại diện

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ hợp tác xã: .....

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã: .....

II-5.2

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-6.1

Phụ lục II-6

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HỢP TÁC XÃ

Số:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....
Đăng ký thay đổi lần thứ:..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt *(nếu có)*: .....

2. Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện

Họ và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

II-6.2

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ hợp tác xã: .....

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã: .....

Điện thoại:.....Fax: .....

Email:.....Website: .....

TRƯỞNG PHÒNG

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục II-7

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

Xác nhận:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

Chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:.....

Nơi nhận: - Tên, địa chỉ hợp tác xã; - .....; - Lưu:.....	**TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục II-8

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc giải thể của hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

Xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:.....

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:.....

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

Nơi nhận: - Tên, địa chỉ hợp tác xã; - .....; - Lưu:.....	**TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục II-9

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

THÔNG BÁO
Về việc hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*
Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....
Địa chỉ trụ sở: .....
Điện thoại:..... Fax: .....
Email:..... Website: .....

Căn cứ: Điều 56 Luật Hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo nội dung vi phạm của hợp tác xã như sau:.....
.....
.....

Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng loại vi phạm như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo để hợp tác xã được biết và sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

2. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì Cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nơi nhận: - Như trên; - Cục thuế tỉnh/thành phố; - Chi cục quản lý thị trường; - ..... - Lưu:.....	**TRƯỞNG PHÒNG** *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

II-10.1

Phụ lục II-10

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số.....;

Căn cứ .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: .....

Do:..... Cấp ngày: ...../ ...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

Do Ông/Bà: *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:.....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Số giấy chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Ngày hết hạn:...../ ..... / ..... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

II-10.2

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:.....

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:.....

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...../...../ ... các Ông/Bà..... và ..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Tên, địa chỉ hợp tác xã bị thu hồi GCNĐKHTX;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- .....;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II.11.1

Phụ lục II-11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.... **PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Tình hình đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

		Tháng.... năm....	Từ đầu năm đến hết tháng... năm...
1	Số lượng GCNĐK hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
2	Số lượng GCNĐK chi nhánh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
3	Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
4	Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
5	Cấp đăng ký thay đổi (số lượt)		
	- Tên hợp tác xã		
	- Địa chỉ trụ sở chính		
	- Ngành, nghề kinh doanh		
	- Vốn điều lệ		
	- Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã		
	- Tên chi nhánh		
	- Địa chỉ chi nhánh		
	- Người đại diện chi nhánh		
	- Tên văn phòng đại diện		
	- Địa chỉ văn phòng đại diện		
	- Người đại diện văn phòng đại diện		
6	Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã		

II.11.2

		Tháng.... năm....	Từ đầu năm đến hết tháng... năm...
7	Thu hồi Giấy CNĐK chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
8	Xóa tên		

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-12.1

Phụ lục II-12

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ....
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Tình hình đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

		Quý... năm...			Từ đầu năm đến hết quý... năm...		
		Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 3=1+2	Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 6=4+5
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Số lượng GCNĐK HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
2	Số lượng GCNĐK chi nhánh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
3	Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
4	Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
5	Cấp đăng ký thay đổi (số lượt)						
	- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
	- Địa chỉ trụ sở chính						
	- Ngành, nghề kinh doanh						
	- Vốn điều lệ						
	- Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
	- Tên chi nhánh của HTX, LHHTX						
	- Địa chỉ chi nhánh của HTX, LHHTX						

II-12.2

		Quý... năm...			Từ đầu năm đến hết quý... năm...		
		Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 3=1+2	Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 6=4+5
A	B	1	2	3	4	5	6
	- Người đại diện chi nhánh của HTX, LHHTX						
	- Tên văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
	- Địa chỉ văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
	- Người đại diện văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
6	Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
7	Thu hồi Giấy CNĐK của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX						
8	Xóa tên						

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-13.1

Phụ lục II-13

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.... **PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm....

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm...
1	Tổng số hợp tác xã (01 = 02 + 03 + 04 + 05 + 06)	01	HTX	
	Trong đó:			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	02	HTX	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	03	HTX	
	- Hợp tác xã tín dụng	04	HTX	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	05	HTX	
	- Hợp tác xã khác	06	HTX	
2	Tổng số hợp tác xã thành lập mới	07	HTX	
3	Tổng số hợp tác xã giải thể	08	HTX	
4	Tổng số thành viên (09 = 10 + 11 + 12 + 13 + 14)	09	thành viên	
	Trong đó:			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	10	thành viên	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	11	thành viên	
	- Hợp tác xã tín dụng	12	thành viên	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	13	thành viên	
	- Hợp tác xã khác	14	thành viên	
5	Tổng số lao động	15	người	
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	16	người	
6	Tổng vốn điều lệ	17	triệu đồng	
7	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	triệu đồng	
	Trong đó: Doanh thu từ giao dịch với thành viên	19	triệu đồng	
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	20	triệu đồng	

II-13.2

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm...
9	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24)	21	triệu đồng	
	Trong đó:			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	22	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	23	triệu đồng	
	- Khác	24	triệu đồng	
10	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã	25	triệu đồng	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

II-14.1

Phụ lục II-14

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm...
	A. HỢP TÁC XÃ			
1	Tổng số hợp tác xã (01=02+03+04+05+06)	01	HTX	
	Trong đó:			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	02	HTX	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	03	HTX	
	- Hợp tác xã tín dụng	04	HTX	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	05	HTX	
	- Hợp tác xã khác	06	HTX	
2	Tổng số hợp tác xã thành lập mới	07	HTX	
3	Tổng số hợp tác xã giải thể	08	HTX	
4	Tổng số thành viên (09=10+11+12+13+14)	09	thành viên	
	Trong đó:			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	10	thành viên	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	11	thành viên	
	- Hợp tác xã tín dụng	12	thành viên	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	13	thành viên	
	- Hợp tác xã khác	14	thành viên	
5	Tổng số lao động	15	người	
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	16	người	
6	Tổng vốn điều lệ	17	triệu đồng	
7	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	triệu đồng	
	Trong đó: Doanh thu từ giao dịch với thành viên	19	triệu đồng	

II-14.2

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm...
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	20	triệu đồng	
9	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24)	21	triệu đồng	
	Trong đó:			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	22	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	23	triệu đồng	
	- Khác	24	triệu đồng	
10	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã	25	triệu đồng	
	B. LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
11	Tổng số liên hiệp hợp tác xã (26=27+28+29+30)	26	LHHTX	
	Trong đó:			
	- Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	27	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp	28	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	29	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã khác	30	LHHTX	
12	Tổng số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	31	LHHTX	
13	Tổng số liên hiệp hợp tác xã giải thể	32	LHHTX	
14	Tổng số thành viên (33=34+35+36+37)	33	thành viên	
	Trong đó:			
	- Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	34	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp	35	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	36	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã khác	37	thành viên	
15	Tổng số lao động	38	người	
16	Tổng vốn điều lệ	39	triệu đồng	
17	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40	triệu đồng	
	Trong đó: Doanh thu từ giao dịch với thành viên	41	triệu đồng	
18	Tổng lợi nhuận sau thuế	42	triệu đồng	
19	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (43=44+45+46)	43	triệu đồng	

II-14.2

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm...
	Trong đó:			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	44	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	45	triệu đồng	
	- Khác	46	triệu đồng	
20	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã	47	triệu đồng	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-1
DANH MỤC CHỮ CÁI SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN HỢP TÁC XÃ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

III-2.1

Phụ lục III-2
MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Thành phố Hà Nội	**01**		**Thành phố Hải Phòng**	**02**	
(12 quận, 1 thị xã, 17 huyện)			(7 quận, 8 huyện)		
Quận Ba Đình	01	01	Quận Hồng Bàng	02	01
Quận Tây Hồ	01	02	Quận Ngô Quyền	02	02
Quận Hoàn Kiếm	01	03	Quận Lê Chân	02	03
Quận Hai Bà Trưng	01	04	Quận Kiến An	02	04
Quận Đống Đa	01	05	Quận Đồ Sơn	02	05
Quận Thanh Xuân	01	06	Huyện Thủy Nguyên	02	06
Quận Cầu Giấy	01	07	Huyện An Dương	02	07
Huyện Sóc Sơn	01	08	Huyện An Lão	02	08
Huyện Đông Anh	01	09	Huyện Kiến Thụy	02	09
Huyện Gia Lâm	01	10	Huyện Tiên Lãng	02	10
Quận Bắc Từ Liêm	01	11	Huyện Vĩnh Bảo	02	11
Huyện Thanh Trì	01	12	Huyện Cát Hải	02	12
Quận Hoàng Mai	01	13	Huyện Bạch Long Vĩ	02	13
Quận Long Biên	01	14	Quận Dương Kinh	02	14
Quận Hà Đông	01	15	Quận Hải An	02	15
Thị Xã Sơn Tây	01	16	**Tỉnh Hải Dương**	**04**	
Huyện Ba Vì	01	17	(1 thành phố, 1 thị xã,		
Huyện Phúc Thọ	01	18	10 huyện)		
Huyện Đan Phượng	01	19	Thành phố Hải Dương	04	01
Huyện Thạch Thất	01	20	Thị xã Chí Linh	04	02
Huyện Hoài Đức	01	21	Huyện Nam Sách	04	03
Huyện Quốc Oai	01	22	Huyện Thanh Hà	04	04
Huyện Chương Mỹ	01	23	Huyện Kinh Môn	04	05
Huyện Thanh Oai	01	24	Huyện Kim Thành	04	06
Huyện Thường Tín	01	25	Huyện Gia Lộc	04	07
Huyện Mỹ Đức	01	26	Huyện Tứ Kỳ	04	08
Huyện Ứng Hòa	01	27	Huyện Cẩm Giàng	04	09
Huyện Phú Xuyên	01	28	Huyện Bình Giang	04	10
Huyện Mê Linh	01	29	Huyện Thanh Miện	04	11
Quận Nam Từ Liêm	01	30	Huyện Ninh Giang	04	12

III-2.2

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Hưng Yên	**05**		**Tỉnh Hà Nam**	**06**	
(1 thành phố, 9 huyện)			(1 thành phố, 5 huyện)		
Thành phố Hưng Yên	05	01	Thành phố Phủ Lý	06	01
Huyện Văn Lâm	05	02	Huyện Duy Tiên	06	02
Huyện Mỹ Hào	05	03	Huyện Kim Bảng	06	03
Huyện Yên Mỹ	05	04	Huyện Lý Nhân	06	04
Huyện Văn Giang	05	05	Huyện Thanh Liêm	06	05
Huyện Khoái Châu	05	06	Huyện Bình Lục	06	06
Huyện Ân Thi	05	07			
Huyện Kim Động	05	08			
Huyện Phù Cừ	05	09			
Huyện Tiên Lữ	05	10			
Tỉnh Nam Định	**07**		**Tỉnh Thái Bình**	**08**	
(1 thành phố, 9 huyện)			(1 thành phố, 7 huyện)		
Thành phố Nam Định	07	01	Thành phố Thái Bình	08	01
Huyện Vụ Bản	07	02	Huyện Quỳnh Phụ	08	02
Huyện Mỹ Mộc	07	03	Huyện Hưng Hà	08	03
Huyện Ý Yên	07	04	Huyện Thái Thụy	08	04
Huyện Nam Trực	07	05	Huyện Đông Hưng	08	05
Huyện Trực Ninh	07	06	Huyện Vũ Thư	08	06
Huyện Xuân Trường	07	07	Huyện Kiến Xương	08	07
Huyện Giao Thủy	07	08	Huyện Tiền Hải	08	08
Huyện Nghĩa Hưng	07	09			
Huyện Hải Hậu	07	10			
Tỉnh Ninh Bình	**09**		**Tỉnh Hà Giang**	**10**	
(1 thành phố, 1 thị xã,			(1 thành phố, 10 huyện)		
6 huyện)			Thành phố Hà Giang	10	01
Thành phố Ninh Bình	09	01	Huyện Đồng Văn	10	02
Thị xã Tam Điệp	09	02	Huyện Mèo Vạc	10	03
Huyện Nho Quan	09	03	Huyện Yên Minh	10	04
Huyện Gia Viễn	09	04	Huyện Quản Bạ	10	05
Huyện Hoa Lư	09	05	Huyện Bắc Mê	10	06
Huyện Yên Mô	09	06	Huyện Hoàng Su Phì	10	07
Huyện Yên Khánh	09	07	Huyện Vị Xuyên	10	08
Huyện Kim Sơn	09	08	Huyện Xín Mần	10	09
			Huyện Bắc Quang	10	10
			Huyện Quang Bình	10	11

III-2.3

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Cao Bằng	**11**		**Tỉnh Lào Cai**	**12**	
(1 thành phố, 12 huyện)			(1 thành phố, 8 huyện)		
Thành phố Cao Bằng	11	01	Thành phố Lào Cai	12	01
Huyện Bảo Lạc	11	02	Huyện Mường Khương	12	02
Huyện Bảo Lâm	11	03	Huyện Bát Xát	12	03
Huyện Hà Quảng	11	04	Huyện Si Ma Cai	12	04
Huyện Thông Nông	11	05	Huyện Bắc Hà	12	05
Huyện Trà Lĩnh	11	06	Huyện Bảo Thắng	12	06
Huyện Trùng Khánh	11	07	Huyện Sa Pa	12	07
Huyện Nguyên Bình	11	08	Huyện Bảo Yên	12	08
Huyện Hòa An	11	09	Huyện Văn Bàn	12	09
Huyện Quảng Uyên	11	10			
Huyện Hạ Lang	11	11			
Huyện Thạch An	11	12			
Huyện Phục Hòa	11	13			
Tỉnh Bắc Kạn	**13**		**Tỉnh Lạng Sơn**	**14**	
(1 thị xã, 7 huyện)			(1 thành phố, 10 huyện)		
Thị xã Bắc Kạn	13	01	Thành phố Lạng Sơn	14	01
Huyện Ba Bể	13	02	Huyện Tràng Định	14	02
Huyện Ngân Sơn	13	03	Huyện Văn Lãng	14	03
Huyện Chợ Đồn	13	04	Huyện Bình Gia	14	04
Huyện Na Rì	13	05	Huyện Bắc Sơn	14	05
Huyện Bạch Thông	13	06	Huyện Văn Quan	14	06
Huyện Chợ Mới	13	07	Huyện Cao Lộc	14	07
Huyện Pắc Nặm	13	08	Huyện Lộc Bình	14	08
			Huyện Chi Lăng	14	09
			Huyện Đình Lập	14	10
			Huyện Hữu Lũng	14	11
Tỉnh Tuyên Quang	**15**		**Tỉnh Yên Bái**	**16**	
(1 thành phố, 6 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thành phố Tuyên Quang	15	01	7 huyện)		
Huyện Nà Hang	15	02	Thành phố Yên Bái	16	01
Huyện Chiêm Hóa	15	03	Thị xã Nghĩa Lộ	16	02
Huyện Hàm Yên	15	04	Huyện Lục Yên	16	03
Huyện Yên Sơn	15	05	Huyện Văn Yên	16	04
Huyện Sơn Dương	15	06	Huyện Mù Cang Chải	16	05
Huyện Lâm Bình	15	07	Huyện Trấn Yên	16	06
			Huyện Yên Bình	16	07
			Huyện Văn Chấn	16	08
			Huyện Trạm Tấu	16	09

III-2.4

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Thái Nguyên	**17**		**Tỉnh Phú Thọ**	**18**	
(1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã, 11 huyện)		
Thành phố Thái Nguyên	17	01	Thành phố Việt Trì	18	01
Thị xã Sông Công	17	02	Thị xã Phú Thọ	18	02
Huyện Định Hóa	17	03	Huyện Đoan Hùng	18	03
Huyện Võ Nhai	17	04	Huyện Hạ Hòa	18	04
Huyện Phú Lương	17	05	Huyện Thanh Ba	18	05
Huyện Đồng Hỷ	17	06	Huyện Phù Ninh	18	06
Huyện Đại Từ	17	07	Huyện Lâm Thao	18	07
Huyện Phú Bình	17	08	Huyện Cẩm Khê	18	08
Huyện Phổ Yên	17	09	Huyện Yên Lập	18	09
			Huyện Tam Nông	18	10
			Huyện Thanh Thủy	18	11
			Huyện Thanh Sơn	18	12
			Huyện Tân Sơn	18	13
Tỉnh Vĩnh Phúc	**19**		**Tỉnh Bắc Giang**	**20**	
(1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)			(1 thành phố, 9 huyện)		
			Thành phố Bắc Giang	20	01
Thành phố Vĩnh Yên	19	01	Huyện Yên Thế	20	02
Huyện Lập Thạch	19	02	Huyện Tân Yên	20	03
Huyện Tam Dương	19	03	Huyện Lục Ngạn	20	04
Huyện Bình Xuyên	19	04	Huyện Hiệp Hòa	20	05
Huyện Vĩnh Tường	19	05	Huyện Lạng Giang	20	06
Huyện Yên Lạc	19	06	Huyện Sơn Động	20	07
Thị xã Phúc Yên	19	07	Huyện Lục Nam	20	08
Huyện Tam Đảo	19	08	Huyện Việt Yên	20	09
Huyện Sông Lô	19	09	Huyện Yên Dũng	20	10
Tỉnh Bắc Ninh	**21**		**Tỉnh Quảng Ninh**	**22**	
(1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)			(4 thành phố, 10 huyện)		
			Thành phố Hạ Long	22	01
Thành phố Bắc Ninh	21	01	Thành phố Cẩm Phả	22	02
Huyện Yên Phong	21	02	Thành phố Uông Bí	22	03
Huyện Quế Võ	21	03	Thành phố Móng Cái	22	04
Huyện Tiên Du	21	04	Huyện Bình Liêu	22	05
Thị xã Từ Sơn	21	05	Huyện Hải Hà	22	06
Huyện Thuận Thành	21	06	Huyện Đầm Hà	22	07
Huyện Lương Tài	21	07	Huyện Tiên Yên	22	08
Huyện Gia Bình	21	08	Huyện Ba Chẽ	22	09
			Huyện Vân Đồn	22	10
			Huyện Hoành Bồ	22	11
			Huyện Đông Triều	22	12
			Huyện Cô Tô	22	13
			Huyện Yên Hưng	22	14

III-2.5

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Lai Châu	**23**		**Tỉnh Sơn La**	**24**	
(1 thị xã, 6 huyện)			(1 thành phố, 10 huyện)		
Huyện Tam Đường	23	01	Thành phố Sơn La	24	01
Huyện Phong Thổ	23	02	Huyện Quỳnh Nhai	24	02
Huyện Mường Tè	23	03	Huyện Mường La	24	03
Huyện Sìn Hồ	23	04	Huyện Thuận Châu	24	04
Huyện Than Uyên	23	05	Huyện Bắc Yên	24	05
Thị xã Lai Châu	23	06	Huyện Phù Yên	24	06
Huyện Tân Uyên	23	07	Huyện Mai Sơn	24	07
			Huyện Sông Mã	24	08
			Huyện Yên Châu	24	09
			Huyện Mộc Châu	24	10
			Huyện Sốp Cộp	24	11
Tỉnh Hòa Bình	**25**		**Tỉnh Thanh Hóa**	**26**	
(1 thành phố, 10 huyện)			(1 thành phố, 2 thị xã,		
Thành phố Hòa Bình	25	01	24 huyện)		
Huyện Đà Bắc	25	02	Thành phố Thanh Hóa	26	01
Huyện Mai Châu	25	03	Thị xã Bỉm Sơn	26	02
Huyện Kỳ Sơn	25	04	Thị xã Sầm Sơn	26	03
Huyện Lương Sơn	25	05	Huyện Mường Lát	26	04
Huyện Kim Bôi	25	06	Huyện Quan Hóa	26	05
Huyện Tân Lạc	25	07	Huyện Quan Sơn	26	06
Huyện Lạc Sơn	25	08	Huyện Bá Thước	26	07
Huyện Lạc Thủy	25	09	Huyện Cẩm Thủy	26	08
Huyện Yên Thủy	25	10	Huyện Lang Chánh	26	09
Huyện Cao Phong	25	11	Huyện Thạch Thành	26	10
			Huyện Ngọc Lạc	26	11
			Huyện Thường Xuân	26	12
			Huyện Như Xuân	26	13
			Huyện Như Thanh	26	14
			Huyện Vĩnh Lộc	26	15
			Huyện Hà Trung	26	16
			Huyện Nga Sơn	26	17
			Huyện Yên Định	26	18
			Huyện Thọ Xuân	26	19
			Huyện Hậu Lộc	26	20
			Huyện Thiệu Hóa	26	21
			Huyện Hoằng Hóa	26	22
			Huyện Đông Sơn	26	23
			Huyện Triệu Sơn	26	24
			Huyện Quảng Xương	26	25
			Huyện Nông Cống	26	26
			Huyện Tĩnh Gia	26	27

III-2.6

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Nghệ An	**27**		**Tỉnh Hà Tĩnh**	**28**	
(1 thành phố, 2 thị xã,			(1 thành phố, 1 thị xã,		
17 huyện)			10 huyện)		
Thành phố Vinh	27	01	Thành phố Hà Tĩnh	28	01
Thị xã Cửa Lò	27	02	Thị xã Hồng Lĩnh	28	02
Huyện Quế Phong	27	03	Huyện Nghi Xuân	28	03
Huyện Quỳ Châu	27	04	Huyện Đức Thọ	28	04
Huyện Kỳ Sơn	27	05	Huyện Hương Sơn	28	05
Huyện Quỳ Hợp	27	06	Huyện Vũ Quang	28	06
Huyện Nghĩa Đàn	27	07	Huyện Can Lộc	28	07
Huyện Tương Dương	27	08	Huyện Thạch Hà	28	08
Huyện Quỳnh Lưu	27	09	Huyện Cẩm Xuyên	28	09
Huyện Tân Kỳ	27	10	Huyện Hương Khê	28	10
Huyện Con Cuông	27	11	Huyện Kỳ Anh	28	11
Huyện Yên Thành	27	12	Huyện Lộc Hà	28	12
Huyện Diễn Châu	27	13			
Huyện An Sơn	27	14			
Huyện Đô Lương	27	15			
Huyện Thanh Chương	27	16			
Huyện Nghi Lộc	27	17			
Huyện Nam Đàn	27	18			
Huyện Hưng Nguyên	27	19			
Thị xã Thái Hòa	27	20			
Tỉnh Quảng Bình	**29**		**Tỉnh Quảng Trị**	**30**	
(1 thành phố, 6 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thành phố Đồng Hới	29	01	8 huyện)		
Huyện Tuyên Hóa	29	02	Thành phố Đông Hà	30	01
Huyện Minh Hóa	29	03	Thị xã Quảng Trị	30	02
Huyện Quảng Trạch	29	04	Huyện Vĩnh Linh	30	03
Huyện Bố Trạch	29	05	Huyện Gio Linh	30	04
Huyện Quảng Ninh	29	06	Huyện Cam Lộ	30	05
Huyện Lệ Thủy	29	07	Huyện Triệu Phong	30	06
			Huyện Hải Lăng	30	07
			Huyện Hướng Hóa	30	08
			Huyện Đa Krông	30	09
			Huyện đảo Cồn Cỏ	30	10

III-2.7

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Thừa Thiên - Huế	**31**		**Thành phố Đà Nẵng**	**32**	
(1 thành phố, 1 thị xã,			(6 quận, 2 huyện)		
7 huyện)			Quận Hải Châu	32	01
Thành phố Huế	31	01	Quận Thanh Khê	32	02
Huyện Phong Điền	31	02	Quận Sơn Trà	32	03
Huyện Quảng Điền	31	03	Quận Ngũ Hành Sơn	32	04
Huyện Hương Trà	31	04	Quận Liên Chiểu	32	05
Huyện Phú Vang	31	05	Huyện Hòa Vang	32	06
Huyện Hương Thủy	31	06	Huyện đảo Hoàng Sa	32	07
Huyện Phú Lộc	31	07	Quận Cẩm Lệ	32	08
Huyện A Lưới	31	08			
Huyện Nam Đông	31	09			
Tỉnh Quảng Nam	**33**		**Tỉnh Quảng Ngãi**	**34**	
(2 thành phố, 16 huyện)			(1 thành phố, 13 huyện)		
Thành phố Tam Kỳ	33	01	Thành phố Quảng Ngãi	34	01
Thành phố Hội An	33	02	Huyện Lý Sơn	34	02
Huyện Đông Giang	33	03	Huyện Bình Sơn	34	03
Huyện Đại Lộc	33	04	Huyện Trà Bồng	34	04
Huyện Điện Bàn	33	05	Huyện Sơn Tịnh	34	05
Huyện Duy Xuyên	33	06	Huyện Sơn Tây	34	06
Huyện Nam Giang	33	07	Huyện Sơn Hà	34	07
Huyện Thăng Bình	33	08	Huyện Tư Nghĩa	34	08
Huyện Quế Sơn	33	09	Huyện Nghĩa Hành	34	09
Huyện Hiệp Đức	33	10	Huyện Minh Long	34	10
Huyện Tiên Phước	33	11	Huyện Mộ Đức	34	11
Huyện Phước Sơn	33	12	Huyện Đức Phổ	34	12
Huyện Núi Thành	33	13	Huyện Ba Tơ	34	13
Huyện Bắc Trà My	33	14	Huyện Tây Trà	34	14
Huyện Tây Giang	33	15			
Huyện Nam Trà My	33	16			
Huyện Phú Ninh	33	17			
Huyện Nông Sơn	33	18			
Tỉnh Bình Định	**35**		**Tỉnh Phú Yên**	**36**	
(1 thành phố, 10 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thành phố Quy Nhơn	35	01	7 huyện)		
Huyện An Lão	35	02	Thành phố Tuy Hòa	36	01
Huyện Hoài Nhơn	35	03	Huyện Đồng Xuân	36	02
Huyện Hoài Ân	35	04	Thị xã Sông Cầu	36	03
Huyện Phù Mỹ	35	05	Huyện Tuy An	36	04
Huyện Vĩnh Thạnh	35	06	Huyện Sơn Hòa	36	05
Huyện Phù Cát	35	07	Huyện Tây Hòa	36	06
Huyện Tây Sơn	35	08	Huyện Sông Hinh	36	07
Huyện An Nhơn	35	09	Huyện Phú Hòa	36	08
Huyện Tuy Phước	35	10	Huyện Đông Hòa	36	09
Huyện Vân Canh	35	11			

III-2.8

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Khánh Hòa	**37**		**Tỉnh Kon Tum**	**38**	
(1 thành phố, 1 thị xã,			(1 thành phố, 8 huyện)		
7 huyện)			Thành phố Kon Tum	38	01
Thành phố Nha Trang	37	01	Huyện Đắk Glei	38	02
Thị xã Cam Ranh	37	02	Huyện Ngọc Hồi	38	03
Huyện Vạn Ninh	37	03	Huyện Đắk Tô	38	04
Huyện Ninh Hòa	37	04	Huyện Kon Plông	38	05
Huyện Diên Khánh	37	05	Huyện Đắk Hà	38	06
Huyện Khánh Vĩnh	37	06	Huyện Sa Thầy	38	07
Huyện Khánh Sơn	37	07	Huyện Kon Rẫy	38	08
Huyện Trường Sa	37	08	Huyện Tu Mơ Rông	38	09
Huyện Cam Lâm	37	09			
Tỉnh Gia Lai	**39**		**Tỉnh Đắk Lắk**	**40**	
(1 thành phố, 2 thị xã,			(1 thành phố, 1 thị xã,		
14 huyện)			13 huyện)		
Thành phố Pleiku	39	01	Thành phố Buôn Ma Thuột	40	01
Huyện Kbang	39	02	Huyện Ea H’leo	40	02
Huyện ĐắkĐoa	39	03	Huyện Ea Súp	40	03
Huyện Mang Yang	39	04	Huyện Krông Năng	40	04
Huyện ChưPăh	39	05	Huyện Krông Búk	40	05
Huyện IaGrai	39	06	Huyện Buôn Đôn	40	06
Thị xã An Khê	39	07	Huyện Cư M’gar	40	07
Huyện KôngChro	39	08	Huyện Ea Kar	40	08
Huyện Đức Cơ	39	09	Huyện M’Đrắk	40	09
Huyện ChưPrông	39	10	Huyện Krông Pắk	40	10
Huyện Chư Sê	39	11	Huyện Krông A Na	40	11
Thị xã AyunPa	39	12	Huyện Krông Bông	40	12
Huyện KrôngPa	39	13	Huyện Cư Kuin	40	13
Huyện IaPa	39	14	Thị xã Buôn Hồ	40	14
Huyện ĐắkPơ	39	15	Huyện Lắk	40	15
Huyện Phú Thiện	39	16			
Huyện ChưPưh	39	17			

III-2.9

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
TP Hồ Chí Minh	**41**		**Tỉnh Lâm Đồng**	**42**	
(19 quận, 5 huyện)			(2 thành phố, 10 huyện)		
Quận 1	41	01	Thành phố Đà Lạt	42	01
Quận 2	41	02	Thành phố Bảo Lộc	42	02
Quận 3	41	03	Huyện Lạc Dương	42	03
Quận 4	41	04	Huyện Đơn Dương	42	04
Quận 5	41	05	Huyện Đức Trọng	42	05
Quận 6	41	06	Huyện Lâm Hà	42	06
Quận 7	41	07	Huyện Bảo Lâm	42	07
Quận 8	41	08	Huyện Di Linh	42	08
Quận 9	41	09	Huyện Đạ Huoai	42	09
Quận 10	41	10	Huyện Đạ Tẻh	42	10
Quận 11	41	11	Huyện Cát Tiên	42	11
Quận 12	41	12	Huyện Đam Rông	42	12
Quận Gò Vấp	41	13			
Quận Tân Bình	41	14			
Quận Bình Thạnh	41	15			
Quận Phú Nhuận	41	16			
Quận Thủ Đức	41	17			
Huyện Củ Chi	41	18			
Huyện Hóc Môn	41	19			
Huyện Bình Chánh	41	20			
Huyện Nhà Bè	41	21			
Huyện Cần Giờ	41	22			
Quận Bình Tân	41	23			
Quận Tân Phú	41	24			
Tỉnh Ninh Thuận	**43**		**Tỉnh Bình Phước**	**44**	
(1 thị xã, 6 huyện)			(3 thị xã, 7 huyện)		
Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm	43	01	Thị xã Đồng Xoài	44	01
Huyện Ninh Sơn	43	02	Huyện Đồng Phú	44	02
Huyện Bác Ái	43	03	Huyện Bù Gia Mập	44	03
Huyện Ninh Hải	43	04	Huyện Lộc Ninh	44	04
Huyện Ninh Phước	43	05	Huyện Bù Đăng	44	05
Huyện Thuận Bắc	43	06	Huyện Hớn Quản	44	06
Huyện Thuận Nam	43	07	Thị xã Phước Long	44	07
			Huyện Chơn Thành	44	08
			Thị xã Bình Long	44	09
			Huyện Bù Đốp	44	10

III-2.10

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Tây Ninh	**45**		**Tỉnh Bình Dương**	**46**	
(1 thị xã, 8 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thị xã Tây Ninh	45	01	5 huyện)		
Huyện Tân Biên	45	02	Thành phố Thủ Dầu Một	46	01
Huyện Tân Châu	45	03	Huyện Dầu Tiếng	46	02
Huyện Dương Minh Châu	45	04	Huyện Bến Cát	46	03
Huyện Châu Thành	45	05	Huyện Phú Giáo	46	04
Huyện Hòa Thành	45	06	Huyện Tân Uyên	46	05
Huyện Bến Cầu	45	07	Huyện Thuận An	46	06
Huyện Gò Dầu	45	08	Thị xã Dĩ An	46	07
Huyện Trảng Bàng	45	09			
Tỉnh Đồng Nai	**47**		**Tỉnh Bình Thuận**	**48**	
(1 thành phố, 1 thị xã,			(1 thành phố, 1 thị xã,		
9 huyện)			8 huyện)		
Thành phố Biên Hòa	47	01	Thành phố Phan Thiết	48	01
Huyện Tân Phú	47	02	Huyện Tuy Phong	48	02
Huyện Định Quán	47	03	Huyện Bắc Bình	48	03
Huyện Vĩnh Cửu	47	04	Huyện Hàm Thuận Bắc	48	04
Huyện Thống Nhất	47	05	Huyện Hàm Thuận Nam	48	05
Thị xã Long Khánh	47	06	Huyện Tánh Linh	48	06
Huyện Xuân Lộc	47	07	Huyện Hàm Tân	48	07
Huyện Long Thành	47	08	Huyện Đức Linh	48	08
Huyện Nhơn Trạch	47	09	Huyện Phú Quý	48	09
Huyện Trảng Bom	47	10	Thị xã La-gi	48	10
Huyện Cẩm Mỹ	47	11			
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	**49**		**Tỉnh Long An**	**50**	
(2 thành phố, 6 huyện)			(1 thành phố, 13 huyện)		
Thành phố Vũng Tàu	49	01	Thành phố Tân An	50	01
Thành phố Bà Rịa	49	02	Huyện Tân Hưng	50	02
Huyện Châu Đức	49	03	Huyện Vĩnh Hưng	50	03
Huyện Xuyên Mộc	49	04	Huyện Mộc Hóa	50	04
Huyện Tân Thành	49	05	Huyện Tân Thạnh	50	05
Huyện Long Điền	49	06	Huyện Thạnh Hóa	50	06
Huyện Côn Đảo	49	07	Huyện Đức Huệ	50	07
Huyện Đất Đỏ	49	08	Huyện Đức Hòa	50	08
			Huyện Bến Lức	50	09
			Huyện Thủ Thừa	50	10
			Huyện Châu Thành	50	11
			Huyện Tân Trụ	50	12
			Huyện Cần Đước	50	13
			Huyện Cần Giuộc	50	14

III-2.11

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Đồng Tháp	**51**		**Tỉnh An Giang**	**52**	
(1 thành phố 2 thị xã, 9 huyện)			(1 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện)		
Thành phố Cao Lãnh	51	01	Thành phố Long Xuyên	52	01
Thị xã Sa Đéc	51	02	Thị xã Châu Đốc	52	02
Huyện Tân Hồng	51	03	Huyện An Phú	52	03
Huyện Hồng Ngự	51	04	Thị xã Tân Châu	52	04
Huyện Tam Nông	51	05	Huyện Phú Tân	52	05
Huyện Thanh Bình	51	06	Huyện Châu Phú	52	06
Huyện Tháp Mười	51	07	Huyện Tịnh Biên	52	07
Huyện Cao Lãnh	51	08	Huyện Tri Tôn	52	08
Huyện Lấp Vò	51	09	Huyện Chợ Mới	52	09
Huyện Lai Vung	51	10	Huyện Châu Thành	52	10
Huyện Châu Thành	51	11	Huyện Thoại Sơn	52	11
Thị xã Hồng Ngự	51	12			
Tỉnh Tiền Giang	**53**		**Tỉnh Vĩnh Long**	**54**	
(1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)		
Thành phố Mỹ Tho	53	01	Thành phố Vĩnh Long	54	01
Thị xã Gò Công	53	02	Huyện Long Hồ	54	02
Huyện Tân Phước	53	03	Huyện Mang Thít	54	03
Huyện Châu Thành	53	04	Thị xã Bình Minh	54	04
Huyện Cai Lậy	53	05	Huyện Tam Bình	54	05
Huyện Chợ Gạo	53	06	Huyện Trà Ôn	54	06
Huyện Cái Bè	53	07	Huyện Vũng Liêm	54	07
Huyện Gò Công Tây	53	08	Huyện Bình Tân	54	08
Huyện Gò Công Đông	53	09			
Huyện Tân Phú Đông	53	10			

III-2.12

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Bến Tre	**55**		**Tỉnh Kiên Giang**	**56**	
(1 thành phố, 8 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thành phố Bến Tre	55	01	13 huyện)		
Huyện Châu Thành	55	02	Thành phố Rạch Giá	56	01
Huyện Chợ Lách	55	03	Thị xã Hà Tiên	56	02
Huyện Mỏ Cày Bắc	55	04	Huyện Kiên Lương	56	03
Huyện Giồng Trôm	55	05	Huyện Hòn Đất	56	04
Huyện Bình Đại	55	06	Huyện Tân Hiệp	56	05
Huyện Ba Tri	55	07	Huyện Châu Thành	56	06
Huyện Thạnh Phú	55	08	Huyện Giồng Giềng	56	07
Huyện Mỏ Cày Nam	55	09	Huyện Gò Quao	56	08
			Huyện An Biên	56	09
			Huyện An Minh	56	10
			Huyện Vĩnh Thuận	56	11
			Huyện Phú Quốc	56	12
			Huyện Kiên Hải	56	13
			Huyện U Minh Thượng	56	14
			Huyện Giang Thành	56	15
Thành phố Cần Thơ	**57**		**Tỉnh Trà Vinh**	**58**	
(5 quận, 4 huyện)			(1 thành phố, 7 huyện)		
Quận Ninh Kiều	57	01	Thành phố Trà Vinh	58	01
Quận Bình Thủy	57	02	Huyện Càng Long	58	02
Quận Cái Răng	57	03	Huyện Châu Thành	58	03
Quận Ô Môn	57	04	Huyện Cầu Kè	58	04
Quận Thốt Nốt	57	05	Huyện Tiểu Cần	58	05
Huyện Cờ Đỏ	57	06	Huyện Cầu Ngang	58	06
Huyện Vĩnh Thạnh	57	07	Huyện Trà Cú	58	07
Huyện Phong Điền	57	08	Huyện Duyên Hải	58	08
Huyện Thới Lai	57	09			
Tỉnh Sóc Trăng	**59**		**Tỉnh Bạc Liêu**	**60**	
(1 thành phố, 10 huyện)			(1 thành phố, 6 huyện)		
Thành phố Sóc Trăng	59	01	Thành phố Bạc Liêu	60	01
Huyện Kế Sách	59	02	Huyện Phước Long	60	02
Huyện Long Phú	59	03	Huyện Hồng Dân	60	03
Huyện Mỹ Tú	59	04	Huyện Vĩnh Lợi	60	04
Huyện Mỹ Xuyên	59	05	Huyện Giá Rai	60	05
Huyện Thạnh Trị	59	06	Huyện Đông Hải	60	06
Huyện Vĩnh Châu	59	07	Huyện Hòa Bình	60	07
Huyện Cù Lao Dung	59	08			
Huyện Ngã Năm	59	09			
Huyện Châu Thành	59	10			
Huyện Trần Đề	59	11			

III-2.13

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Tỉnh Cà Mau	**61**		**Tỉnh Điện Biên**	**62**	
(1 thành phố, 8 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Thành phố Cà Mau	61	01	7 huyện)		
Huyện Thới Bình	61	02	Thành phố Điện Biên Phủ	62	01
Huyện U Minh	61	03	Thị xã Mường Lay	62	02
Huyện Trần Văn Thời	61	04	Huyện Mường Nhé	62	03
Huyện Cái Nước	61	05	Huyện Tủa Chùa	62	04
Huyện Đầm Dơi	61	06	Huyện Tuần Giáo	62	05
Huyện Ngọc Hiển	61	07	Huyện Điện Biên	62	06
Huyện Năm Căn	61	08	Huyện Điện Biên Đông	62	07
Huyện Phú Tân	61	09	Huyện Mường Chà	62	08
			Huyện Mường Ảng	62	09
Tỉnh Đắc Nông	**63**		**Tỉnh Hậu Giang**	**64**	
(1 thị xã, 7 huyện)			(1 thành phố, 1 thị xã,		
Huyện Cư Jút	63	01	5 huyện)		
Huyện Đắc Mil	63	02	Thành phố Vị Thanh	64	01
Huyện Đắc Song	63	03	Huyện Vị Thủy	64	02
Huyện Đắc GLong	63	04	Huyện Long Mỹ	64	03
Huyện Đắc RLấp	63	05	Huyện Châu Thành A	64	04
Huyện Krông Nô	63	06	Huyện Châu Thành	64	05
Thị xã Gia Nghĩa	63	07	Huyện Phụng Hiệp	64	06
Huyện Tuy Đức	63	08	Thị xã Ngã Bảy	64	07

III-3.1

Phụ lục III-3

MẪU BÌA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

III-3.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

III-3.3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ

III-3.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ

III-3.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HỢP TÁC XÃ

Phụ lục III-4
PHÔNG (FONT) CHỮ, CỠ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Quốc hiệu	Times New Roman Times New Roman	13 13	Đậm và in hoa Đậm và in thường	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
2	Tên cơ quan cấp	Times New Roman Times New Roman	13 13	Thường và in hoa Đậm và in hoa	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**
3	Tên Giấy chứng nhận	Times New Roman	14	Đậm và in hoa	**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**
4	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times New Roman	14	Thường	Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt:……. Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:…
5	Các nội dung của từng hợp tác xã	Times New Roman Times New Roman	14 14	Đậm và in hoa Thường	**HỢP TÁC XÃ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH** Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
		Times New Roman	14	In hoa	Họ và tên: NGUYỄN VĂN A
6	Thành viên hợp tác xã	Times New Roman	14	In hoa	NGUYỄN VĂN A
7	Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Times New Roman	14	In hoa	CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN
		Times New Roman	14	Thường	Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
8	Thể thức đề ký	Times New Roman	13	Đậm và in hoa	**TRƯỞNG PHÒNG**
9	Họ tên người ký	Times New Roman	13	Đậm và in thường	**Nguyễn Thùy Linh**
10	Ngày cấp	Times New Roman	14	Thường và in nghiêng	*Đăng ký lần đầu, ngày… tháng… năm……* *Đăng ký thay đổi lần thứ:…. ngày… tháng… năm……*